

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2017/HSST

Ngày 26/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý Hằng;
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà **Lê Thị Thanh Thủy**, cán bộ nghỉ hưu; trú tại phường Cẩm Trung, thành phố P;

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy**, phó Bí thư đảng ủy phường Cẩm Thủy, thành phố P;

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Lê Thị Thanh Thảo** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:** Bà **Phạm Bích Hồng**, kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 209/2017/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quách Thị Cẩm V**, sinh ngày 11/8/1987 tại thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT: Tổ 7, khu Hoàng Thạch, phường Cẩm Thạch, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Số 712 nơ 9B bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Quách Đình K và bà Đặng Thị Chí Ch; chồng: Chưa có, có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 20/10/2017 đến ngày 30/10/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1957; trú tại: khu 3, phường Hồng H, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Quách Thị Cẩm V bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Quách Thị Cẩm V và bà Trần Thị P, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 7, khu Hoàng Thạch, phường Cẩm Thạch, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh là hàng xóm với nhau. Khoảng tháng 10/2015, bà Phương nói với V về việc con dâu của bà Phương đang không có việc làm, thì V nói V làm trong ngành hàng không, có

chồng làm Phó tổng biên tập báo ở trên Hà Nội, có suất xin việc vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, thời điểm đó vợ chồng con trai bà Phương đang có mâu thuẫn nên bà Phương không nhờ V xin việc cho con dâu nữa. Sau đó, bà Phương kể lại việc trên cho người quen là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 3, khu 3, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Bà D lại kể lại cho bà Trần Thị N. Do đang cần xin việc cho con gái là chị Đinh Thị Ngọc T nên bà Ninh đã gọi điện cho bà Phương để hỏi về V và xin số điện thoại của V để liên lạc. Sau đó, bà Ninh gọi điện cho V đặt vấn đề nhờ V xin việc cho chị T. Do đang cần tiền chi tiêu, nên mặc dù không có khả năng xin việc, V vẫn nói dối bà Ninh là có thể xin việc cho chị T vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ninh với giá 150.000.000 đồng, đặt cọc trước 100.000.000 đồng. Bà Ninh tin, nên ngày 11/10/2015, đã cùng vợ chồng chị T đến nhà V ở tổ 7, khu Hoàng Thạch, phường Cẩm Thạch, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh giao cho V số tiền 100.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của chị T. V viết cho bà N giấy biên nhận tiền, trong đó địa chỉ của V ghi tại giấy biên nhận là ở phòng 710, CT4, Times City, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, là địa chỉ do V tự nghĩ ra, mục đích để sau này bà N không thể tìm gặp V đòi tiền được. V hẹn đến tháng 12/2015, sẽ xin được việc cho chị T, khi chị T đi làm thì V sẽ nhận nốt 50.000.000 đồng còn lại. Đến hẹn không thấy chị T được gọi đi làm, bà Ninh đã tìm gặp V yêu cầu V viết lại giấy biên nhận tiền với nội dung giống giấy biên nhận cũ và ghi thêm thời hạn trả lại tiền nếu không xin được việc là ngày 30/3/2017. Đến thời hạn trên, bà Ninh vẫn chưa thấy V xin được việc cho chị T, nên đến địa chỉ ghi trong giấy biên nhận tiền để tìm V thì được biết không có địa chỉ này. Bà Ninh nhiều lần gọi điện cho V để đòi tiền, nhưng V không nghe máy, ngày 31/5/2017 bà Ninh đã đến Công an thành phố P trình báo.

Ngày 23/10/2017, bà Đặng Thị Chí Ch là mẹ đẻ của Quách Thị Cẩm V đã tự nguyện thay V trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho bà Trần Thị N.

Tại Bản cáo trạng số: 01/KSĐT – HS ngày 05/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Quách Thị Cẩm V về tội: “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Quách Thị Cẩm V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng do thời gian thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang gặp khó khăn, một mình nuôi con nhỏ, việc bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người đúng tội không oan, mong Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để vừa cải tạo, vừa lao động, nuôi dưỡng con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Quách Thị Cẩm V về tội: “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1, 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Quách Thị Cẩm V từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo Khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo Quách Thị Cẩm V tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn tố giác tội phạm cùng lời khai của người bị hại bà Trần Thị N; lời khai của những người làm chứng: chị Đinh Thị Ngọc T, anh Trần Minh A, bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị D và bà Đặng Thị Chí Ch (lời khai tại cơ quan điều tra đã được công bố tại phiên tòa).

Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Giấy biên nhận đề ngày 11/10/2015 (bút lục 32); kết luận giám định số: 103/GĐTL/2017 ngày 17/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; biên bản xác định hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P thực hiện hồi 13 giờ ngày 15/9/2017, bản ảnh xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường (bút lục 34 đến 38); các biên bản đối chất ngày 24/10/2017 và ngày 22/11/2017 (bút lục 138 đến 145); bản ảnh nhận dạng và các biên bản nhận dạng ngày 25/7/2017, ngày 17/8/2017 và ngày 20/9/2017 (bút lục 147 đến 153); biên bản kiểm tra thẻ nhớ ngày 27/6/2017 (bút lục 154, 155); biên bản tiếp nhận, đồ vật tài liệu ngày 23/9/2017 và các tài liệu kèm theo (bút lục 156 đến 158); biên bản tiếp nhận, đồ vật ngày 23/10/2017 và các tài liệu kèm theo (bút lục 159, 160).

Với các chứng cứ trên cùng các tài liệu khác cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận Quách Thị Cẩm V đã phạm vào tội: “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự với tình tiết “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;...*”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố đối với bị cáo Quách Thị Cẩm V là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đối với bị cáo Quách Thị Cẩm V.

Hành vi phạm tội của bị cáo Quách Thị Cẩm V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, lao động để có thu nhập chính đáng mà đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho người khác tin tưởng bị cáo đang là người có vị thế có uy tín, có thể xin được việc làm để chiếm đoạt tiền của người nhờ bị cáo xin việc làm như đã nêu trên. Bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại số tiền 100.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bị tố giác, bị xử lý là ngoài ý muốn của bị cáo nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét cũng cho bị cáo Quách Thị Cẩm V là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự;

phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo và ân hận về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường trả lại số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải bắt bị cáo Quách Thị Cẩm V phải cách ly khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Quách Thị Cẩm V là người không có nghề nghiệp, phạm tội lần đầu nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Về bồi thường dân sự và vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, bị cáo Quách Thị Cẩm V đã tác động gia đình bồi thường trả lại cho người bị hại bà Trần Thị N số tiền 100.000.000 đồng, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập. Quá trình điều tra đã tiếp nhận một số tài liệu là vật chứng của vụ án, hiện đang lưu tại hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Trần Thị P và bà Nguyễn Thị D là người giới thiệu bà Trần Thị N với Quách Thị Cẩm V. Quá trình điều tra đã xác định bà Trần Thị P và bà Nguyễn Thị Duy đều không biết việc Quách Thị Cẩm V đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị N nên không đề cập xử lý.

Bị cáo Quách Thị Cẩm V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Quách Thị Cẩm V** phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1, 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Quách Thị Cẩm V 24** (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Quách Thị Cẩm V cho Ủy ban nhân dân phường Hoàng Liet, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Quách Thị Cẩm V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Quách Thị Cẩm V phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt người bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp P;
- Chi cục THADS tp P;
- Công an tp Cẩm Phả;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu HSVA; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thúy Hằng